

# Đo lường mức độ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

*Nguyễn Văn Phẩm*

**H**ội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT), hiểu theo nghĩa đơn giản nhất, là việc các nền kinh tế gắn kết lại với nhau. Hội nhập kinh tế là quá trình chủ động thực hiện đồng thời: (i) gắn nền kinh tế và thị trường từng nước với thị trường khu vực và thế giới thông qua các nỗ lực thực hiện mở cửa và thúc đẩy tự do hóa nền kinh tế quốc dân; (ii) gia nhập và góp phần xây dựng các thể chế kinh tế khu vực và toàn cầu.

Hội nhập kinh tế có thể là song phương - tức là giữa nền kinh tế của hai quốc gia, hoặc khu vực - tức là giữa nền kinh tế của các quốc gia trong khu vực hoặc toàn cầu - tức là giữa nền kinh tế của các quốc gia trên thế giới như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đang hướng tới.

Trước yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, và yêu cầu của phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cần phải đẩy nhanh tốc độ, quy mô hội nhập kinh tế quốc tế. Bởi vậy, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII, IX và X đều khẳng định phải “đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới”, với quy mô rộng hơn và trình độ cao hơn. Đặc biệt tại Nghị quyết Đại hội X của Đảng có nhấn mạnh, cần: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”.

HNKTQT có hiệu quả sẽ tạo ra được thế đứng mới trên thương trường quốc tế; tranh thủ được nguồn vốn, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; và mới mở rộng được thị trường xuất nhập

khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm. Mở cửa hội nhập không chỉ là để các doanh nghiệp ta vươn ra, mà còn để các doanh nghiệp nước ngoài vào sản xuất và kinh doanh ở nước ta.

Muốn đo lường được mức độ HNKTQT phải xây dựng được chỉ số để so sánh và xếp hạng mức độ HNKTQT của quốc gia so với khu vực và thế giới.

Sau đây là các bước tiến hành tính toán một số chỉ số:

## **1. Lựa chọn các thành phần cấu thành chỉ số HNKTQT**

*Nguyên tắc chọn:* các chỉ số trong mỗi thành phần phải phản ánh được bản chất của thành phần, đảm bảo tính khả thi, dễ thu thập, và độ tin cậy.

*Các chỉ tiêu lựa chọn:* HNKTQT được thể hiện trên nhiều lĩnh vực đời sống-xã hội, như hội nhập trong lĩnh vực di chuyển tự do xuyên quốc gia về con người (lao động, du lịch, hội họp); di chuyển tự do xuyên quốc gia về luồng vốn (đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, đầu tư gián tiếp nước ngoài - chứng khoán, cổ phiếu, trái phiếu, hỗ trợ phát triển...); di chuyển tự do xuyên quốc gia về luồng hàng hoá, dịch vụ (xuất nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ, xuất nhập khẩu thương hiệu, bản quyền,...); tham gia giải quyết các vấn đề kinh tế quốc tế (ký kết công ước quốc tế, hiệp định, hiệp ước, giải quyết tranh chấp về lĩnh vực kinh tế, tham gia các hiệp hội, khối, nhóm quốc gia trong lĩnh vực kinh tế thương mại...; tự do di chuyển các luồng thông tin toàn cầu (internet, điện thoại, bưu chính viễn thông); v.v...

Đại diện cho các lĩnh vực trên, có 3 lĩnh vực cốt lõi nhất đánh giá được mức độ HNKTQT của Việt Nam, đó là: 1. Lĩnh vực tự do di chuyển vốn đầu tư. 2. Lĩnh vực tự do di chuyển con người. 3. Lĩnh vực tự do di chuyển hàng hoá và dịch vụ. Nếu các lĩnh vực khác có phát triển thì vẫn nằm trong khuôn khổ có những mối liên hệ chặt chẽ thúc đẩy 3 lĩnh vực vừa nêu để tính chỉ số tổng hợp phản ánh HNKTQT, viết tắt là IEII (International Economic Integration Index), đây cũng là cách lựa chọn mà ASEAN đã tiến hành.

## 2. Phương pháp tính và công thức

a. *Chọn quyền số*: Chọn quyền số là một vấn đề phức tạp. Theo đánh giá của các nhà chuyên môn trong lĩnh vực HNKTQT, cả ba lĩnh vực trên đều có ý nghĩa như nhau thể hiện mức độ hội nhập, vì vậy, chọn quyền số ngang nhau và bằng 1 đối với cả 3 lĩnh vực thành phần này.

b. *Chọn các trị số tối hạn*: giá trị max và giá trị min của các chỉ tiêu tham gia vào quá trình tính IEII. Trị số min của tất cả các yếu tố HNKTQT đều có thể coi bằng 0 vì khi đó mức độ hội nhập bằng 0, nghĩa là quốc gia không có liên hệ gì với quốc tế về mặt kinh tế, không “chơi chung sân” với bất kể nước nào. Khi HNKTQT của nước ta đạt tới mức mong muốn, thì IEII sẽ tiệm cận tới 1, hay 100%.

Vấn đề là phải xác định được mức độ tốt nhất (mức độ mong muốn) của HNKTQT đối với nước ta là gì, ở mức nào?

### c. Chọn công thức tính:

Cả 3 yếu tố (tự do di chuyển đầu tư; tự do di chuyển con người; tự do di chuyển hàng hóa và dịch vụ) đều có tác động tích cực tới mức độ HNKTQT, nghĩa là các trị số yếu tố càng cao, thì mức độ hội nhập càng cao. Do vậy, công thức chuẩn hoá tổng quát là:

$$I_i^j = \frac{X_i^{thuc} - X_i^{\min}}{X_i^{\max} - X_i^{\min}}$$

Với:  $I_i^j$  là chỉ số của yếu tố  $i$  thuộc thành tố  $j$

$X_i^{\max}$  là mức độ tối đa đạt được của yếu tố  $i$ ;

$X_i^{\min}$  là mức độ tối thiểu đạt được của yếu tố  $i$ ;

$X_i^{thuc}$  là mức độ thực tế đạt được của yếu tố  $i$ .

Mức độ tối đa đạt được ở đây chính là mức độ mong muốn. Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay còn là một quốc gia đang phát triển bậc trung bình thấp, phấn đấu đến năm 2020 trở thành một nước phát triển, do vậy, khi xét mức độ HNKTQT phạm vi toàn cầu thì có thể chọn mức trung bình của châu Âu làm mức độ mong muốn (tối đa), thể hiện mức chúng ta muốn phấn đấu hiện nay là mức trung bình của châu Âu; còn khi xét mức độ hội nhập kinh tế phạm vi khu vực ASEAN thì có thể chọn mức trung bình của 6 nước bậc trên (ASEAN-6) làm mức độ mong muốn (tối đa), thể hiện việc đối với khu vực thì mức chúng ta muốn phấn đấu hiện nay là mức trung bình của ASEAN-6.

\* *Lĩnh vực tự do di chuyển đầu tư*: lựa chọn các chỉ tiêu về Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cả luồng vào và ra phân theo địa chỉ và theo ngành hoạt động kinh tế.

“Mức đạt được” của HNKTQT trong lĩnh vực di chuyển luồng vốn đầu tư là:

$$I_{FDI} = \frac{I_{FDI\text{vào}} + I_{FDI\text{ra}}}{2}$$

Trong đó:  $I_{FDI}$  là chỉ số luồng tự do di chuyển vốn đầu tư (FDI);

$I_{FDI\text{vào}}$  là chỉ số phản ánh “Mức đạt được” của hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tiếp nhận luồng đầu tư từ nước ngoài vào nước ta;

$I_{FDI\text{ra}}$  là chỉ số phản ánh “Mức đạt được” của hội nhập quốc tế trong lĩnh vực đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam; Và  $0 \leq I_{FDI} \leq 1$ .

\* *Lĩnh vực tự do di chuyển con người*: cụ thể là chỉ tiêu Khách quốc tế đến Việt Nam, phân theo quốc tịch, mục đích đến (hội họp, học tập, làm việc, chữa bệnh, thăm nhân nhân, du lịch...) và thời gian (dài hạn hay ngắn hạn).

“Mức đạt được” của HNKTQT trong lĩnh vực tự do di chuyển công dân:

$$I_{\text{khách vào}} = \frac{L}{Y}$$

Trong đó:  $I_{\text{khách vào}}$  là chỉ số luồng tự do di chuyển công dân;

L là tỷ lệ số lượt khách vào Việt Nam so với dân số Việt Nam;

Y là tỷ lệ số lượt khách vào ở mức mong muốn;

Trong trường hợp  $I_{\text{khách vào}} \geq 1$  thì coi như HNKTQT trong lĩnh vực tự do di chuyển công dân đã đạt “mức mong muốn” đề ra, tức là đã đạt và vượt mức bình quân châu Âu /khu vực, và trong trường hợp này thì quy định  $I_{\text{khách vào}} = 1$ .

Và  $0 \leq I_{\text{khách vào}} \leq 1$ .

\**Lĩnh vực tự do di chuyển hàng hóa và dịch vụ*: các chỉ tiêu về Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ, có phân theo nước nhập, nước xuất, mặt hàng và nhóm hàng chủ yếu.

“Mức đạt được” của HNQT trong lĩnh vực tự do di chuyển hàng hóa và dịch vụ:

$$I_{\text{XNK}} = \frac{I_{\text{XK}} + I_{\text{NK}}}{2}$$

Trong đó:

$I_{\text{XNK}}$  là chỉ số luồng tự do di chuyển hàng hóa và dịch vụ;

$I_{\text{XK}}$  là chỉ số phản ánh xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ;

$I_{\text{NK}}$  là chỉ số phản ánh HNKTQT trong lĩnh vực nhập khẩu;

Trong trường hợp  $I_{\text{XNK}} \geq 1$  thì coi như HNKTQT trong lĩnh vực tự do di chuyển hàng hóa và dịch vụ đã đạt “mức mong muốn” đề ra, tức là đã đạt và vượt mức mong muốn, và trong trường hợp này thì quy định  $I_{\text{XNK}} = 1$ . Và  $0 \leq I_{\text{XNK}} \leq 1$ .

“Mức đạt được” của IEII là:

$$IEII = \frac{I_{\text{FDI}} + I_{\text{khách vào}} + I_{\text{XNK}}}{3}$$

Với các trị số cực đại và cực tiểu đã nêu của  $I_{\text{FDI}}$ ;  $I_{\text{khách vào}}$ ;  $I_{\text{XNK}}$  thì luôn có  $0 \leq IEII \leq 1$ .

### 3. Nguồn số liệu và chất lượng số liệu

Đối với nguồn số liệu lấy từ quốc tế, đều do các tổ chức quốc tế công bố chính thức cho toàn thế giới sử dụng (nguồn: IMF, WB, ASEAN...), nên có thể kết luận rằng đó là những nguồn số liệu đáng tin cậy.

Đối với nguồn số liệu trong nước lấy từ Niên giám thống kê hàng năm của TCTK.

### 4. Kết quả tính toán và phân tích

#### Chỉ số Hội nhập kinh tế khu vực (HNKTKV)

Áp dụng các công thức đề xuất ở trên, đã tính được các chỉ số thành phần trong IEII (Ở đây tính thử nghiệm cho trường hợp HNKTKV, tức là sử dụng bình quân ASEAN-6):

- Chỉ số tự do di chuyển công dân nội khối ASEAN
- Chỉ số tự do di chuyển FDI trong nội khối
- Chỉ số tự do di chuyển hàng hóa và dịch vụ nội khối ASEAN
- IEII - Chỉ số tổng hợp HNKTKV

ASEAN	IEII 2005	Xếp hạng 2005	IEII 2008	Xếp hạng 2008
ASEAN-6	1,000		1,000	
Việt Nam	0,400	7	0,559	7
Brunây	0,716	3	0,690	5
Campuchia	0,457	6	0,571	6
Indônêxia	0,304	9	0,398	8
Lào	0,599	5	0,812	4
Malaisia	1,000	2	1,000	1
Myanma	0,377	8	0,387	9
Philipin	0,201	10	0,176	10
Singapo	1,000	1	0,997	2
Thái Lan	0,713	4	0,845	3

Sau khi tính toán cả 3 lĩnh vực trên, IEII của Ma-lai-xia năm 2008 xếp hàng đầu (năm 2005 chỉ xếp thứ 2 sau Xin-ga-po) và đẩy Xin-ga-po xuống hàng thứ 2; yếu kém nhất là Phi-li-pin (thứ 10) trong suốt thời kỳ 2005-2008; Việt Nam xếp thứ 7 trong cả năm 2005 và 2008. Vấn đề yếu kém nhất của Việt Nam hiện nay là vẫn chưa thu hút được khách ASEAN vào Việt Nam. Điều này cho thấy, *muốn nâng cao vị thế và mức HNKTQT, đòi hỏi phải có các giải pháp thu hút thêm nhiều khách ASEAN đến Việt Nam.*

*b. Chỉ số Hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT)*

- Chỉ số tự do di chuyển công dân trên phạm vi toàn thế giới
- Chỉ số tự do di chuyển FDI với thế giới
- Chỉ số tự do di chuyển hàng hóa và dịch vụ với thế giới
- Chỉ số tổng hợp HNKTQT (IEII)

	IEII 2005	Xếp hạng 2005	IEII 2008	Xếp hạng 2008
Châu Âu	1,000		1,000	
Việt Nam	0,405	5	0,419	7
Brunây	0,502	4	0,555	3
Campuchia	0,402	6	0,424	6
Indônêxia	0,305	9	0,282	9
Lào	0,312	7	0,468	5
Malaisia	0,924	2	0,932	2
Myanma	0,259	10	0,290	8
Philipin	0,310	8	0,243	10
Singapo	1,000	1	0,991	1
Thái Lan	0,520	3	0,543	4

Qua kết quả tính toán, IEII của Xin-ga-po xếp hàng đầu trong suốt thời kỳ, mặc dù năm 2008 so với năm 2007 mức hội nhập có phần giảm sút; yếu kém nhất là Phi-li-pin (thứ 10), lùi 2 bậc so với năm 2005. Nhưng nếu như HNKTQT của Xin-ga-po xếp hàng đầu, mà HNKTQV lại xếp hạng 2, chúng tôi quốc gia này có xu hướng về hội nhập với thế giới bên ngoài hơn là với các quốc gia khu vực ASEAN. Với Ma-lai-xia thì hoàn toàn ngược lại. Còn Việt Nam xếp thứ 7, cũng lùi 2 bậc so với thứ hạng 5 năm 2005, điều bất cập nhất vẫn là *chưa thu hút được khách quốc tế đến Việt Nam*, vì vậy, đòi hỏi Đảng và Nhà nước cần có những chính sách phù hợp và thông thoáng hơn để đẩy mạnh lĩnh vực này. Ngoài ra, cần quan tâm hơn nữa đến việc *đẩy nhanh luồng FDI ra nước ngoài và tăng cường hơn nữa xuất khẩu sang các nước khác* để cân bằng xuất nhập khẩu. Trên đây là kết quả về mức độ hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam so với mức bình quân của ASEAN-6 và bình quân châu Âu. Như vậy có thể thấy được trình độ HNKTQT của nước ta tuy đã đạt được nhiều tiến bộ trong những năm qua, song so với quốc tế và các nước cùng khu vực thì còn chưa cao. Vì vậy, cần tiếp tục phát huy những mặt mạnh, ngược lại đối những mặt hạn chế, chúng ta cần có biện pháp khắc phục và thúc đẩy hơn nữa để làm sao nền kinh tế của chúng ta phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai không xa./.

**Nguồn:**

*Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2009: "Nghiên cứu lựa chọn và tính toán thử nghiệm một số chỉ số phản ánh mức độ hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam" do CN. Nguyễn Văn Phẩm làm chủ nhiệm.*